

Số: 10/QĐ-LVT

Ninh Bình, ngày 10 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố công khai quản lý, sử dụng tài sản năm 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT CHUYÊN LƯƠNG VĂN TỤY

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Xét đề nghị của kế toán nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước năm 2023 (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận tài vụ và các bộ phận có liên quan thuộc và trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Website nhà trường
- Sở Tài chính;
- Sở GD&ĐT;
- Lưu: VT, KT



THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

**HIỆU TRƯỞNG
HOÀNG HẢI NAM**

Bộ, tỉnh:

Mẫu số 09c-CK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT chuyên Lương Văn Tụy

Mã đơn vị: 1013170

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC

Năm 2023

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Tài sản cố định khác		943	25.770.617	25.725.708	44.909	11.915.026							
1	Âm ly mixer	P. Hợp tầng 2	1	11.947	11.947		4.779		x					
2	Máy tính	PTH Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
3	Máy tính	PTH Thi Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
4	Máy tính	PTH Tin học 3	1	11.500	11.500		4.600		x					
5	Máy tính	PTH Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
6	Máy tính	PTH Thi Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
7	Máy tính	PTH Thi Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
8	Máy tính	PTH Tin học 3	1	11.500	11.500		4.600		x					
9	Máy tính	P. tổ Hóa	1	11.500	11.500		4.600		x					
10	Máy tính	PTH Thi Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
11	Máy tính	PTH Tin học 4	1	11.500	11.500		4.600		x					
12	Máy tính	PTH Tin học 4	1	11.500	11.500		4.600		x					
13	Máy tính	PTH Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
14	Máy tính	PTH Thi Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
15	Máy tính	P Tập huấn Tin	1	11.500	11.500		4.600		x					
16	Máy tính	PTH Thi Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
17	Máy tính	PTH Thi Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
18	Máy tính	PTH Thi Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
19	Máy tính	PTH Tin học 4	1	11.500	11.500		4.600		x					
20	Máy tính	P Tập huấn Tin	1	11.500	11.500		4.600		x					
21	Máy tính	PTH Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
22	Máy tính	PTH Tin học 3	1	11.500	11.500		4.600		x					
23	Máy tính	PTH Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
24	Máy tính	PTH Tin học 3	1	11.500	11.500		4.600		x					
25	Máy tính	PTH Thi Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
26	Máy tính	PTH Thi Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
27	Máy tính	PTH Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
28	Máy tính	PTH Tin học 4	1	11.500	11.500		4.600		x					
29	Máy tính	PTH Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
30	Máy tính	PTH Tin học 3	1	11.500	11.500		4.600		x					
31	Máy tính	P Tập huấn Tin	1	11.500	11.500		4.600		x					
32	Máy tính	P Tập huấn Tin	1	11.500	11.500		4.600		x					
33	Máy tính	PTH Thi Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
34	Máy tính	PTH Tin học 3	1	11.500	11.500		4.600		x					
35	Máy tính	PTH Tin học 3	1	11.500	11.500		4.600		x					
36	Máy tính	P Tập huấn Tin	1	11.500	11.500		4.600		x					
37	Máy tính	PTH Thi Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
38	Máy tính	PTH Thi Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
39	Máy tính	PTH Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
40	Máy tính	Phòng Văn Thư	1	11.500	11.500		4.600		x					
41	Máy tính	PTH Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
42	Máy tính	PTH Thi Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
43	Máy tính	PTH Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
44	Máy tính	PTH Tin học 4	1	11.500	11.500		4.600		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
45	Máy tính	PTH Thi Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
46	Máy tính	Phòng Tài Vụ	1	11.500	11.500		4.600		x					
47	Máy tính	PTH Tin học 4	1	11.500	11.500		4.600		x					
48	Máy tính	PTH Thi Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
49	Máy tính	PTH Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
50	Máy tính	PTH Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
51	Máy tính	PTH Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
52	Máy tính	PTH Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
53	Máy tính	PTH Thi Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
54	Máy tính	PTH Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
55	Máy tính	PTH Thi Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
56	Máy tính	PTH Tin học 4	1	11.500	11.500		4.600		x					
57	Máy tính	Phòng điều hành	1	11.500	11.500		4.600		x					
58	Máy tính	PTH Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
59	Máy tính	PTH Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
60	Máy tính	PTH Tin học 3	1	11.500	11.500		4.600		x					
61	Máy tính	P Tập huấn Tin	1	11.500	11.500		4.600		x					
62	Máy tính	PTH Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
63	Máy tính	PTH Tin học 4	1	11.500	11.500		4.600		x					
64	Máy tính	PTH Thi Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
65	Máy tính	PTH Tin học 3	1	11.500	11.500		4.600		x					
66	Máy tính	PTH Tin học 4	1	11.500	11.500		4.600		x					
67	Máy tính	PTH Tin học 4	1	11.500	11.500		4.600		x					
68	Máy tính	PTH Thi Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
69	Máy tính	P. tổ Lý	1	11.500	11.500		4.600		x					
70	Máy tính	PTH Thi Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
71	Máy tính	PTH Tin học 3	1	11.500	11.500		4.600		x					
72	Máy tính	PTH Tin học 4	1	11.500	11.500		4.600		x					
73	Máy tính	P Tập huấn Tin	1	11.500	11.500		4.600		x					
74	Máy tính	PTH Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
75	Máy tính	PTH Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
76	Máy tính	PTH Tin học 4	1	11.500	11.500		4.600		x					
77	Máy tính	PTH Thi Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
78	Máy tính	PTH Tin học 4	1	11.500	11.500		4.600		x					
79	Máy tính	PTH Thi Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
80	Máy tính	P. tổ Bộ môn chung	1	11.500	11.500		4.600		x					
81	Máy tính	PTH Tin học 3	1	11.500	11.500		4.600		x					
82	Máy tính	PTH Thi Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
83	Máy tính	PTH Thi Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
84	Máy tính	PTH Tin học 3	1	11.500	11.500		4.600		x					
85	Máy tính	P. hợp tầng 4	1	11.500	11.500		4.600		x					
86	Máy tính	PTH Tin học 4	1	11.500	11.500		4.600		x					
87	Máy tính	PTH Tin học 4	1	11.500	11.500		4.600		x					
88	Máy tính	PTH Tin học 3	1	11.500	11.500		4.600		x					
89	Máy tính	PTH Thi Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
90	Máy tính	PTH Thi Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
91	Máy tính	PTH Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
92	Máy tính	PTH Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
93	Máy tính	PTH Thi Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
94	Máy tính	PTH Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
95	Máy tính	PTH Thi Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
96	Máy tính	P. Công đoàn, Đảng	1	11.500	11.500		4.600		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
97	Máy tính	P. Công đoàn, Đảng	1	11.500	11.500		4.600		x					
98	Máy tính	PTH Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
99	Máy tính	PTH Thi Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
100	Máy tính	PTH Thi Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
101	Máy tính	P Tập huấn Tin	1	11.500	11.500		4.600		x					
102	Máy tính	PTH Tin học 3	1	11.500	11.500		4.600		x					
103	Máy tính	PTH Thi Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
104	Máy tính	PTH Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
105	Máy tính	P Tập huấn Tin	1	11.500	11.500		4.600		x					
106	Máy tính	PTH Thi Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
107	Máy tính	P. Hiệu trưởng	1	11.500	11.500		4.600		x					
108	Máy tính	PTH Tin học 4	1	11.500	11.500		4.600		x					
109	Máy tính	PTH Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
110	Máy tính	PTH Thi Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
111	Máy tính	PTH Thi Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
112	Máy tính	PTH Tin học 4	1	11.500	11.500		4.600		x					
113	Máy tính	PTH Thi Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
114	Máy tính	PTH Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
115	Máy tính	PTH Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
116	Máy tính	PTH Thi Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
117	Máy tính	PTH Tin học 3	1	11.500	11.500		4.600		x					
118	Máy tính	PTH Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
119	Máy chiếu Epson	Kho (hồng)	1	14.148	14.148				x					
120	Máy chiếu Epson	Kho (hồng)	1	14.148	14.148				x					
121	Máy chiếu Epson	Kho (hồng)	1	14.148	14.148				x					
122	Máy chiếu Epson	Kho (hồng)	1	14.148	14.148				x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
123	Máy chiếu Epson	Kho (hông)	1	14.148	14.148				x					
124	Máy chiếu Epson	Kho (hông)	1	14.148	14.148				x					
125	Máy chiếu Epson	Kho (hông)	1	14.148	14.148				x					
126	Máy hút ẩm	PTH Sinh	1	11.053	11.053		6.908		x					
127	Máy hút ẩm	PTH Sinh	1	11.053	11.053		6.908		x					
128	Máy hút ẩm	PTH Sinh	1	11.053	11.053		6.908		x					
129	Máy lọc nước	Phòng phô tô	1	17.750	17.750				x					
130	Máy phát âm tần số OWON AG 2052	PTH Lý	1	18.765	18.765		14.074		x					
131	Máy photocopy Fujixerox Docucentre	Phòng phô tô	1	69.000	69.000		27.600		x					
132	Máy photocopy Fujixerox Docucentre	Phòng phô tô	1	69.000	69.000		27.600		x					
133	Máy Scan 2020	Phòng Tài Vụ	1	11.000	11.000		2.200		x					
134	Máy Scan 2020	Thư viện (mới)	1	11.000	11.000		2.200		x					
135	Máy tính	PTH Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
136	Máy tính	PTH Thi Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
137	Máy tính	PTH Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
138	Máy tính	PTH Tin học 4	1	11.500	11.500		4.600		x					
139	Máy tính	P Tập huấn Tin	1	11.500	11.500		4.600		x					
140	Máy tính	PTH Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
141	Máy tính	P Tập huấn Tin	1	11.500	11.500		4.600		x					
142	Máy tính	PTH Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
143	Máy tính	PTH Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
144	Máy chiếu (khu phòng học 3 tầng)	Kho (hông)	1	18.958	18.958				x					
145	Máy chiếu (khu phòng học 3 tầng)	Kho (hông)	1	18.958	18.958				x					
146	Máy chiếu (khu phòng học 3 tầng)	Kho (hông)	1	18.958	18.958				x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
147	Máy chiếu (khu phòng học 3 tầng)	Kho (hông)	1	18.958	18.958				x					
148	Màn hình tương tác 65 inch	LHA 301	1	135.649	135.649		54.260		x					
149	Màn hình tương tác 65 inch	LHA 204	1	135.649	135.649		54.260		x					
150	Màn hình tương tác 65 inch	LHA 303	1	135.649	135.649		54.260		x					
151	Màn hình tương tác 65 inch	LHA 304	1	135.649	135.649		54.260		x					
152	Màn hình tương tác 65 inch	LHA 104	1	135.649	135.649		54.260		x					
153	Màn hình tương tác 65 inch	LHA 206	1	135.649	135.649		54.260		x					
154	Màn hình tương tác 65 inch	P Tập huấn Hóa	1	135.649	135.649		54.260		x					
155	Màn hình tương tác 65 inch	LHB 307	1	135.649	135.649		54.260		x					
156	Màn hình tương tác 65 inch	LHA 205	1	135.649	135.649		54.260		x					
157	Màn hình tương tác 65 inch	LHA 201	1	135.649	135.649		54.260		x					
158	Màn hình tương tác 65 inch	LHC 314	1	135.649	135.649		54.260		x					
159	Màn hình tương tác 65 inch	LHB 309	1	135.649	135.649		54.260		x					
160	Máy tính	P. tổ Sinh	1	11.500	11.500		4.600		x					
161	Màn hình tương tác 65 inch	LHC 113	1	135.649	135.649		54.260		x					
162	Màn hình tương tác 65 inch	Phòng thờ	1	135.649	135.649		54.260		x					
163	Màn hình tương tác 65 inch	LHB 208	1	135.649	135.649		54.260		x					
164	Màn hình tương tác 65 inch	LHB 107	1	135.649	135.649		54.260		x					
165	Màn hình tương tác 65 inch	LHA 302	1	135.649	135.649		54.260		x					
166	Màn hình tương tác 65 inch	PTH Hóa 2	1	135.649	135.649		54.260		x					
167	Màn hình tương tác 65 inch	LHC 315	1	135.649	135.649		54.260		x					
168	Màn hình tương tác 65 inch	LHB109	1	135.649	135.649		54.260		x					
169	Máy ảnh	Văn phòng đoàn	1	18.909		18.909	11.345		x					
170	Máy cất nước 1 lần	PTH Hóa	1	14.820	14.820		12.968		x					
171	Máy chiếu	P. họp tầng 4	1	21.101	21.101		8.440		x					
172	Máy chiếu	Thư viện (mới)	1	21.101	21.101		8.440		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
173	Máy chiếu	Phòng thờ	1	21.101	21.101		8.440		x					
174	Màn hình tương tác 65 inch	LHC 216	1	135.649	135.649		54.260		x					
175	Máy tính	PTH Tin học 3	1	11.500	11.500		4.600		x					
176	Máy tính	PTH Thi Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
177	Máy tính	PTH Tin học 3	1	11.500	11.500		4.600		x					
178	Máy tính	PTH Thi Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
179	Máy tính	PTH Thi Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
180	Máy tính	PTH Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
181	Máy tính	PTH Tin học 3	1	11.500	11.500		4.600		x					
182	Máy tính	Phòng Hợp Tầng 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
183	Máy tính	PTH Thi Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
184	Máy tính	PTH Thi Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
185	Máy tính	PTH Tin học 4	1	11.500	11.500		4.600		x					
186	Máy tính	PTH Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
187	Máy tính	P Tập huấn Tin	1	11.500	11.500		4.600		x					
188	Máy tính	PTH Thi Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
189	Máy tính	PTH Thi Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
190	Máy tính	PTH Thi Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
191	Máy tính	PTH Thi Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
192	Máy tính	PTH Tin học 4	1	11.500	11.500		4.600		x					
193	Máy tính	PTH Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
194	Máy tính	PTH Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
195	Máy tính	PTH Tin học 3	1	11.500	11.500		4.600		x					
196	Máy tính	PTH Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
197	Máy tính	PTH Tin học 3	1	11.500	11.500		4.600		x					
198	Máy tính	PTH Thi Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
199	Máy tính	PTH Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
200	Máy tính	PTH Thi Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
201	Máy tính	P. Tổ Văn	1	11.500	11.500		4.600		x					
202	Máy tính	PTH Thi Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
203	Máy tính	PTH Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
204	Máy tính	PTH Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
205	Máy tính	PTH Tin học 3	1	11.500	11.500		4.600		x					
206	Máy tính	PTH Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
207	Máy tính	PTH Thi Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
208	Máy tính	PTH Thi Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
209	Máy tính	PTH Tin học 4	1	11.500	11.500		4.600		x					
210	Máy tính	PTH Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
211	Máy tính	Phòng Tài Vụ	1	11.500	11.500		4.600		x					
212	Máy tính	PTH Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
213	Máy tính	PTH Tin học 4	1	11.500	11.500		4.600		x					
214	Máy tính	P. Hiệu phó Kiên	1	11.500	11.500		4.600		x					
215	Máy tính	PTH Thi Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
216	Máy tính	PTH Thi Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
217	Máy tính	PTH Tin học 3	1	11.500	11.500		4.600		x					
218	Máy tính	PTH Thi Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
219	Máy tính	PTH Tin học 3	1	11.500	11.500		4.600		x					
220	Máy tính	PTH Thi Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
221	Máy tính	PTH Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
222	Máy tính	PTH Thi Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
223	Máy tính	PTH Tin học 4	1	11.500	11.500		4.600		x					
224	Máy tính	PTH Thi Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
225	Máy tính	PTH Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
226	Máy tính	PTH Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
227	Máy tính	PTH Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
228	Máy tính	PTH Thi Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
229	Máy tính	PTH Thi Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
230	Máy tính	PTH Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
231	Máy tính	PTH Tin học 4	1	11.500	11.500		4.600		x					
232	Máy tính	PTH Tin học 3	1	11.500	11.500		4.600		x					
233	Máy tính	PTH Tin học 4	1	11.500	11.500		4.600		x					
234	Máy tính	PTH Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
235	Máy tính	PTH Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
236	Máy tính	PTH Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
237	Tủ hút khí độc	PTH Hóa	1	76.928	76.928		48.080		x					
238	Tủ hút khí độc	PTH Sinh	1	76.928	76.928		48.080		x					
239	Tủ hút khí độc	PTH Hóa 2	1	76.928	76.928		48.080		x					
240	Tủ hút khí độc	PTH Sinh 2	1	76.928	76.928		48.080		x					
241	Tủ lạnh bảo ôn Hòa Phát	Khu nhà ăn ktx	1	10.500	10.500				x					
242	Tủ mát	Khu nhà ăn ktx	1	15.072	15.072		6.029		x					
243	Tủ nấu cơm 50Kg dùng điện	Khu nhà ăn ktx	1	38.685	38.685		15.474		x					
244	Tủ nấu cơm 50Kg dùng điện	Khu nhà ăn ktx	1	38.685	38.685		15.474		x					
245	Tủ quần áo học sinh	KTX 308	1	20.096	20.096		11.304		x					
246	Tủ quần áo học sinh	KTX 302	1	20.096	20.096		11.304		x					
247	Tủ quần áo học sinh	KTX 327	1	20.096	20.096		11.304		x					
248	Tủ quần áo học sinh	KTX 231	1	20.096	20.096		11.304		x					
249	Tủ quần áo học sinh	KTX 233	1	20.096	20.096		11.304		x					
250	Tủ quần áo học sinh	KTX 318	1	20.096	20.096		11.304		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
251	Tủ quần áo học sinh	KTX 303	1	20.096	20.096		11.304		x					
252	Tủ quần áo học sinh	KTX 319	1	20.096	20.096		11.304		x					
253	Tủ quần áo học sinh	KTX 313	1	20.096	20.096		11.304		x					
254	Tủ quần áo học sinh	KTX 310	1	20.096	20.096		11.304		x					
255	Tủ quần áo học sinh	KTX 224	1	20.096	20.096		11.304		x					
256	Tủ quần áo học sinh	KTX 305	1	20.096	20.096		11.304		x					
257	Tủ quần áo học sinh	KTX 239	1	20.096	20.096		11.304		x					
258	Tủ quần áo học sinh	KTX 220	1	20.096	20.096		11.304		x					
259	Tủ quần áo học sinh	KTX 311	1	20.096	20.096		11.304		x					
260	Tủ quần áo học sinh	KTX 211	1	20.096	20.096		11.304		x					
261	Tủ quần áo học sinh	KTX 203	1	20.096	20.096		11.304		x					
262	Tủ đông	Khu nhà ăn ktx	1	18.087	18.087		7.235		x					
263	Tủ điện trung tâm	PTH Lý	1	39.876	39.876		24.922		x					
264	Tủ điện trung tâm	PTH Lý	1	39.876	39.876		24.922		x					
265	Tủ bảo quản kính hiển vi, chống ẩm mốc, tiết trùng chuyên dụng	PTH Sinh	1	80.385	80.385		50.240		x					
266	Ôn áp điện thế	PTH Thi Tin học 2	1	14.369	14.369		5.747		x					
267	Ôn áp điện thế	PTH Tin học 2	1	14.369	14.369		5.747		x					
268	Ôn áp điện thế 15 KVA	PTH Ngoại Ngữ	1	14.369	14.369		5.747		x					
269	Ôn áp điện thế 15 KVA	PTH Ngoại Ngữ	1	14.369	14.369		5.747		x					
270	Phần mềm tin học	P. Hiệu phó Kiên	1	40.000	40.000		25.600		x					
271	Thiết bị hội nghị	P. Họa tầng 2	1	78.375	78.375		31.350		x					
272	Thiết bị khảo sát động lượng lớp 10	PTH Lý	1	12.155	12.155		9.116		x					
273	Thiết bị khảo sát động lượng lớp 10	PTH Lý	1	12.155	12.155		9.116		x					
274	Thiết bị khảo sát động lượng lớp 10	PTH Lý	1	12.155	12.155		9.116		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
275	Thiết bị quản lý loa	Nhà đa năng	1	12.882	12.882		5.153		x					
276	Thiết bị quản lý loa	Nhà đa năng	1	12.882	12.882		5.153		x					
277	Trống trường	Bảo vệ	1	16.300	16.300		13.040		x					
278	Tù quần áo học sinh	KTX 316	1	20.096	20.096		11.304		x					
279	Tù áo cán bộ	PCG 342	1	20.096	20.096		11.304		x					
280	Tù áo cán bộ	PCG 337	1	20.096	20.096		11.304		x					
281	Tù áo cán bộ	PCG 339	1	20.096	20.096		11.304		x					
282	Tù áo cán bộ	PCG 341	1	20.096	20.096		11.304		x					
283	Tù áo cán bộ	PCG 336	1	20.096	20.096		11.304		x					
284	Tù áo cán bộ	PCG 335	1	20.096	20.096		11.304		x					
285	Tù áo cán bộ	PCG 333	1	20.096	20.096		11.304		x					
286	Tù áo cán bộ	PCG 332	1	20.096	20.096		11.304		x					
287	Tù áo cán bộ	PCG 340	1	20.096	20.096		11.304		x					
288	Tù áo cán bộ	PCG 334	1	20.096	20.096		11.304		x					
289	Tù áo cán bộ	PCG 338	1	20.096	20.096		11.304		x					
290	Tù áo cán bộ	PCG 331	1	20.096	20.096		11.304		x					
291	Tù bảo quản kính hiển vi, chống ẩm mốc, tiệt trùng chuyên dụng	PTH Sinh	1	80.385	80.385		50.240		x					
292	Tù áo cán bộ	PCG 330	1	20.096	20.096		11.304		x					
293	Ôn áp điện thế	P Tập huấn Anh	1	14.369	14.369		5.747		x					
294	Tù quần áo học sinh	KTX 312	1	20.096	20.096		11.304		x					
295	Tù quần áo học sinh	KTX 243	1	20.096	20.096		11.304		x					
296	Tù quần áo học sinh	KTX 205	1	20.096	20.096		11.304		x					
297	Tù quần áo học sinh	KTX 202	1	20.096	20.096		11.304		x					
298	Tù quần áo học sinh	KTX 206	1	20.096	20.096		11.304		x					
299	Tù quần áo học sinh	KTX 306	1	20.096	20.096		11.304		x					
									x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
300	Tủ quần áo học sinh	KTX 241	1	20.096	20.096		11.304		x					
301	Tủ quần áo học sinh	KTX 215	1	20.096	20.096		11.304		x					
302	Tủ quần áo học sinh	KTX 238	1	20.096	20.096		11.304		x					
303	Tủ quần áo học sinh	KTX 301	1	20.096	20.096		11.304		x					
304	Tủ quần áo học sinh	KTX 325	1	20.096	20.096		11.304		x					
305	Tủ quần áo học sinh	KTX 201	1	20.096	20.096		11.304		x					
306	Tủ quần áo học sinh	KTX 307	1	20.096	20.096		11.304		x					
307	Tủ quần áo học sinh	KTX 216	1	20.096	20.096		11.304		x					
308	Tủ quần áo học sinh	KTX 226	1	20.096	20.096		11.304		x					
309	Tủ quần áo học sinh	KTX 321	1	20.096	20.096		11.304		x					
310	Tủ quần áo học sinh	KTX 242	1	20.096	20.096		11.304		x					
311	Tủ quần áo học sinh	KTX 304	1	20.096	20.096		11.304		x					
312	Tủ quần áo học sinh	KTX 326	1	20.096	20.096		11.304		x					
313	Tủ quần áo học sinh	KTX 320	1	20.096	20.096		11.304		x					
314	Tủ quần áo học sinh	KTX 222	1	20.096	20.096		11.304		x					
315	Tủ quần áo học sinh	KTX 324	1	20.096	20.096		11.304		x					
316	Tủ quần áo học sinh	KTX 207	1	20.096	20.096		11.304		x					
317	Tum hút mùi	Khu nhà ăn ktx	1	46.221	46.221		18.488		x					
318	Tum hút mùi	Khu nhà ăn ktx	1	46.221	46.221		18.488		x					
319	Tum hút mùi	Khu nhà ăn ktx	1	46.221	46.221		18.488		x					
320	Xây dựng WEB SIT của trường LVT	P. Hiệu phó Kiên	1	15.030	15.030				x					
321	Tủ quần áo học sinh	KTX 322	1	20.096	20.096		11.304		x					
322	Tủ quần áo học sinh	KTX 317	1	20.096	20.096		11.304		x					
323	Tủ quần áo học sinh	KTX 223	1	20.096	20.096		11.304		x					
324	Tủ quần áo học sinh	KTX 225	1	20.096	20.096		11.304		x					
									x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
325	Tủ quần áo học sinh	KTX 236	1	20.096	20.096		11.304		x					
326	Tủ quần áo học sinh	KTX 229	1	20.096	20.096		11.304		x					
327	Tủ quần áo học sinh	KTX 315	1	20.096	20.096		11.304		x					
328	Tủ quần áo học sinh	KTX 210	1	20.096	20.096		11.304		x					
329	Tủ quần áo học sinh	KTX 228	1	20.096	20.096		11.304		x					
330	Tủ quần áo học sinh	KTX 234	1	20.096	20.096		11.304		x					
331	Tủ quần áo học sinh	KTX 213	1	20.096	20.096		11.304		x					
332	Tủ quần áo học sinh	KTX 212	1	20.096	20.096		11.304		x					
333	Tủ quần áo học sinh	KTX 240	1	20.096	20.096		11.304		x					
334	Tủ quần áo học sinh	KTX 209	1	20.096	20.096		11.304		x					
335	Tủ quần áo học sinh	KTX 232	1	20.096	20.096		11.304		x					
336	Tủ quần áo học sinh	KTX 227	1	20.096	20.096		11.304		x					
337	Tủ quần áo học sinh	KTX 221	1	20.096	20.096		11.304		x					
338	Tủ quần áo học sinh	KTX 237	1	20.096	20.096		11.304		x					
339	Tủ quần áo học sinh	KTX 230	1	20.096	20.096		11.304		x					
340	Tủ quần áo học sinh	KTX 314	1	20.096	20.096		11.304		x					
341	Tủ quần áo học sinh	KTX 235	1	20.096	20.096		11.304		x					
342	Tủ quần áo học sinh	KTX 204	1	20.096	20.096		11.304		x					
343	Tủ quần áo học sinh	KTX 309	1	20.096	20.096		11.304		x					
344	Tủ quần áo học sinh	KTX 328	1	20.096	20.096		11.304		x					
345	Tủ quần áo học sinh	KTX 219	1	20.096	20.096		11.304		x					
346	Tủ quần áo học sinh	KTX 214	1	20.096	20.096		11.304		x					
347	Tủ quần áo học sinh	KTX 329	1	20.096	20.096		11.304		x					
348	Tủ quần áo học sinh	KTX 208	1	20.096	20.096		11.304		x					
349	Tủ quần áo học sinh	KTX 217	1	20.096	20.096		11.304		x					
350	Tủ quần áo học sinh	KTX 323	1	20.096	20.096		11.304		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
351	Tủ quần áo học sinh	KTX 218	1	20.096	20.096		11.304		x					
352	Màn hình tương tác 65 inch	PTH Lý	1	135.649	135.649		54.260		x					
353	Ôn áp điện thế	PTH Tin học 3	1	14.369	14.369		5.747		x					
354	Ôn áp điện thế	PTH Tin học 4	1	14.369	14.369		5.747		x					
355	Máy tính	PTH Tin học 3	1	11.500	11.500		4.600		x					
356	Máy tính	PTH Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
357	Máy tính	PTH Tin học 4	1	11.500	11.500		4.600		x					
358	Máy tính	PTH Tin học 4	1	11.500	11.500		4.600		x					
359	Máy tính	PTH Tin học 3	1	11.500	11.500		4.600		x					
360	Máy tính	PTH Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
361	Máy tính	P. Hiệu Phó Thủy	1	11.500	11.500		4.600		x					
362	Máy tính	PTH Thi Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
363	Máy tính	P Tập huấn Tin	1	11.500	11.500		4.600		x					
364	Máy tính	PTH Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
365	Máy tính	PTH Thi Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
366	Máy tính	PTH Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
367	Máy tính	PTH Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
368	Máy tính	PTH Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
369	Máy tính	PTH Tin học 3	1	11.500	11.500		4.600		x					
370	Máy tính	PTH Tin học 3	1	11.500	11.500		4.600		x					
371	Máy tính	PTH Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
372	Máy tính	PTH Tin học 4	1	11.500	11.500		4.600		x					
373	Máy tính	PTH Tin học 3	1	11.500	11.500		4.600		x					
374	Máy tính	PTH Thi Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
375	Máy tính	PTH Tin học 3	1	11.500	11.500		4.600		x					
376	Máy tính	PTH Thi Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
377	Máy tính	PTH Tin học 4	1	11.500	11.500		4.600		x					
378	Máy tính	PTH Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
379	Máy tính	PTH Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
380	Máy tính	PTH Tin học 3	1	11.500	11.500		4.600		x					
381	Máy tính	PTH Thi Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
382	Máy tính	PTH Thi Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
383	Máy tính	P. tổ Sử- Địa	1	11.500	11.500		4.600		x					
384	Máy tính	PTH Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
385	Máy tính	PTH Tin học 4	1	11.500	11.500		4.600		x					
386	Máy tính	PTH Tin học 4	1	11.500	11.500		4.600		x					
387	Máy tính	PTH Tin học 3	1	11.500	11.500		4.600		x					
388	Máy tính	PTH Thi Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
389	Máy tính	PTH Thi Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
390	Máy tính	PTH Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
391	Máy tính	PTH Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
392	Máy tính	PTH Tin học 4	1	11.500	11.500		4.600		x					
393	Máy tính	PTH Thi Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
394	Máy tính	PTH Tin học 3	1	11.500	11.500		4.600		x					
395	Máy tính	PTH Tin học 4	1	11.500	11.500		4.600		x					
396	Máy tính	PTH Thi Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
397	Máy tính	PTH Tin học 4	1	11.500	11.500		4.600		x					
398	Máy tính	PTH Tin học 4	1	11.500	11.500		4.600		x					
399	Máy tính	PTH Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
400	Máy tính	P. Công đoàn, Đảng	1	11.500	11.500		4.600		x					
401	Máy tính	P. tổ Ngoại Ngữ	1	11.500	11.500		4.600		x					
402	Máy tính	P. tổ Toán-Tin	1	11.500	11.500		4.600		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
403	Máy tính	PTH Thi Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
404	Máy tính	PTH Tin học 3	1	11.500	11.500		4.600		x					
405	Máy tính	PTH Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
406	Máy tính	PTH Thi Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
407	Máy tính	PTH Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
408	Máy tính	PTH Thi Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
409	Máy tính	PTH Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
410	Máy tính	PTH Tin học 3	1	11.500	11.500		4.600		x					
411	Ôn áp điện thế	PTH Tin học 1	1	14.369	14.369		5.747		x					
412	Máy tính	PTH Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
413	Máy tính	PTH Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
414	Micro đại biểu	P. Hợp tầng 2	1	22.608	22.608		9.043		x					
415	Micro đại biểu	P. Hợp tầng 2	1	22.608	22.608		9.043		x					
416	Micro đại biểu	P. Hợp tầng 2	1	22.608	22.608		9.043		x					
417	Micro đại biểu	P. Hợp tầng 2	1	22.608	22.608		9.043		x					
418	Micro đại biểu	P. Hợp tầng 2	1	22.608	22.608		9.043		x					
419	Micro đại biểu	P. Hợp tầng 2	1	22.608	22.608		9.043		x					
420	Micro đại biểu	P. Hợp tầng 2	1	22.608	22.608		9.043		x					
421	Micro đại biểu	P. Hợp tầng 2	1	22.608	22.608		9.043		x					
422	Micro đại biểu	P. Hợp tầng 2	1	22.608	22.608		9.043		x					
423	Micro đại biểu	P. Hợp tầng 2	1	22.608	22.608		9.043		x					
424	Micro đại biểu	P. Hợp tầng 2	1	22.608	22.608		9.043		x					
425	Micro đại biểu	P. Hợp tầng 2	1	22.608	22.608		9.043		x					
426	Micro đại biểu	P. Hợp tầng 2	1	22.608	22.608		9.043		x					
427	Micro đại biểu	P. Hợp tầng 2	1	22.608	22.608		9.043		x					
428	Micro đại biểu	P. Hợp tầng 2	1	22.608	22.608		9.043		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
429	Micro đại biểu	P. Hợp tầng 2	1	22.608	22.608		9.043		x					
430	Micro đại biểu	P. Hợp tầng 2	1	22.608	22.608		9.043		x					
431	Micro đại biểu	P. Hợp tầng 2	1	22.608	22.608		9.043		x					
432	Micro đại biểu	P. Hợp tầng 2	1	22.608	22.608		9.043		x					
433	Micro đại biểu	P. Hợp tầng 2	1	22.608	22.608		9.043		x					
434	Micro đại biểu	P. Hợp tầng 2	1	22.608	22.608		9.043		x					
435	Nồi canh giữ nóng công nghiệp	Khu nhà ăn ktx	1	17.950	17.950		11.219		x					
436	Ôn áp điện thế	P Tập huấn Pháp	1	14.369	14.369		5.747		x					
437	Ôn áp điện thế	PTH Thi Tin học 1	1	14.369	14.369		5.747		x					
438	Ôn áp điện thế	P Tập huấn Tin	1	14.369	14.369		5.747		x					
439	Micro đại biểu	P. Hợp tầng 2	1	22.608	22.608		9.043		x					
440	Micro đại biểu	P. Hợp tầng 2	1	22.608	22.608		9.043		x					
441	Micro chủ tọa	P. Hợp tầng 2	1	25.321	25.321		10.128		x					
442	Máy vi tính xách tay	Tin học (Hậu)	1	13.000	13.000				x					
443	Máy tính	PTH Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
444	Máy tính	PTH Tin học 3	1	11.500	11.500		4.600		x					
445	Máy tính	PTH Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
446	Máy tính	PTH Tin học 4	1	11.500	11.500		4.600		x					
447	Máy tính	PTH Thi Tin học 1	1	11.500	11.500		4.600		x					
448	Máy tính	PTH Tin học 4	1	11.500	11.500		4.600		x					
449	Máy tính	PTH Tin học 2	1	11.500	11.500		4.600		x					
450	Máy tính để bàn	Văn phòng đoàn	1	14.170	14.170				x					
451	Máy tính để bàn	P. Công đoàn, Đảng	1	12.940	12.940				x					
452	Máy tính để bàn	Phòng y tế	1	12.990	12.990				x					
453	Máy tính để bàn	P. tổ Sử- Địa	1	12.940	12.940				x					
454	Máy tính để bàn	Thư viện	1	15.570	15.570				x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
455	Máy tính	PTH Tin học 3	1	11.500	11.500		4.600		x					
456	Máy tính để bàn	P. tổ Lý	1	12.940	12.940				x					
457	Máy tính để bàn	P Tập huấn Anh	1	16.200	16.200				x					
458	Máy tính để bàn	P. tổ Hóa	1	12.940	12.940				x					
459	Máy tính để bàn	Tầng 1 khi hiệu bộ (Nga)	1	18.670	18.670				x					
460	Máy tính để bàn	P. Hiệu trưởng	1	10.000	10.000				x					
461	Máy tính để bàn	P. Hiệu phó Kiên	1	10.970	10.970				x					
462	Máy tính để bàn	Phòng Văn Thư	1	14.250	14.250				x					
463	Máy tính để bàn	Phòng Tài Vụ	1	14.650	14.650				x					
464	Máy tính xách tay DELL	Tin học (Hậu)	1	15.000	15.000		6.000		x					
465	Máy tính xách tay	Kho (hồng)	1	25.895	25.895				x					
466	Máy tính xách tay Dell	Phòng Tài Vụ	1	12.800	12.800				x					
467	máy tính xách tay singPC	Phòng thư ký	1	13.000		13.000	7.800		x					
468	Máy tính xách tay SingPC	Lớp học (Thiết Bị Huyện)	1	13.000		13.000	7.800		x					
469	Máy tính để bàn	P. tổ Bộ môn chung	1	14.650	14.650				x					
470	Màn hình tương tác 65 inch	PTH Sinh 2	1	135.649	135.649		54.260		x					
471	Màn hình tương tác 65 inch	LHB 308	1	135.649	135.649		54.260		x					
472	Màn hình tương tác 65 inch	PTH Ngoại ngữ 2	1	135.649	135.649		54.260		x					
473	Bộ máy tính để bàn SingPC	PTH Ngoại Ngữ	1	11.000	11.000		4.400		x					
474	Bộ máy tính để bàn SingPC	PTH Ngoại Ngữ	1	11.000	11.000		4.400		x					
475	Bộ máy tính để bàn SingPC	PTH Ngoại Ngữ	1	11.000	11.000		4.400		x					
476	Bộ máy tính để bàn SingPC	PTH Ngoại Ngữ	1	11.000	11.000		4.400		x					
477	Bộ máy tính để bàn SingPC	PTH Ngoại Ngữ	1	11.000	11.000		4.400		x					
478	Bộ máy tính để bàn SingPC	PTH Ngoại Ngữ	1	11.000	11.000		4.400		x					
479	Bộ máy tính để bàn SingPC	PTH Ngoại Ngữ	1	11.000	11.000		4.400		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
480	Bộ máy tính để bàn SingPC	PTH Ngoại Ngữ	1	11.000	11.000		4.400		x					
481	Bộ máy tính để bàn SingPC	PTH Ngoại Ngữ	1	11.000	11.000		4.400		x					
482	Bộ máy tính để bàn SingPC	PTH Ngoại Ngữ	1	11.000	11.000		4.400		x					
483	Bộ máy tính để bàn SingPC	PTH Ngoại Ngữ	1	11.000	11.000		4.400		x					
484	Bộ máy tính để bàn SingPC	PTH Ngoại Ngữ	1	11.000	11.000		4.400		x					
485	Bộ máy tính để bàn SingPC	PTH Ngoại Ngữ	1	11.000	11.000		4.400		x					
486	Bộ máy tính để bàn SingPC	PTH Ngoại Ngữ	1	11.000	11.000		4.400		x					
487	Bộ micro không dây cầm tay	Nhà đa năng	1	18.965	18.965		7.586		x					
488	Bộ micro không dây cầm tay	Nhà đa năng	1	18.965	18.965		7.586		x					
489	Bộ micro không dây cầm tay	Nhà đa năng	1	18.965	18.965		7.586		x					
490	Bộ micro không dây cầm tay	Nhà đa năng	1	18.965	18.965		7.586		x					
491	Bộ micro không dây cầm tay	Nhà đa năng	1	18.965	18.965		7.586		x					
492	Bộ micro không dây cầm tay	Nhà đa năng	1	18.965	18.965		7.586		x					
493	Bộ micro không dây cầm tay	Nhà đa năng	1	18.965	18.965		7.586		x					
494	Bộ micro không dây cầm tay	Nhà đa năng	1	18.965	18.965		7.586		x					
495	Bộ thiết bị dạy học điện tử, mô phỏng môn Vật lý	PTH Lý	1	10.374	10.374		9.077		x					
496	Bộ thiết bị dạy học điện tử, mô phỏng môn Vật lý	PTH Lý	1	10.374	10.374		9.077		x					
497	Bộ thiết bị dạy học điện tử, mô phỏng môn Vật lý	PTH Lý	1	10.374	10.374		9.077		x					
498	Bộ máy tính để bàn SingPC	PTH Ngoại Ngữ	1	11.000	11.000		4.400		x					
499	Bộ máy tính để bàn SingPC	PTH Ngoại Ngữ	1	11.000	11.000		4.400		x					
500	Bộ máy tính để bàn SingPC	PTH Ngoại Ngữ	1	11.000	11.000		4.400		x					
501	Bộ máy tính để bàn SingPC	PTH Ngoại Ngữ	1	11.000	11.000		4.400		x					
502	Bộ máy tính để bàn SingPC	PTH Ngoại ngữ 2	1	11.000	11.000		4.400		x					
503	Bộ máy tính để bàn SingPC	PTH Ngoại ngữ 2	1	11.000	11.000		4.400		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11 -	12	13	14	15
504	Bộ máy tính để bàn SingPC	PTH Ngoại ngữ 2	1	11.000	11.000		4.400		x					
505	Bộ máy tính để bàn SingPC	PTH Ngoại ngữ 2	1	11.000	11.000		4.400		x					
506	Bộ máy tính để bàn SingPC	PTH Ngoại ngữ 2	1	11.000	11.000		4.400		x					
507	Bộ máy tính để bàn SingPC	PTH Ngoại ngữ 2	1	11.000	11.000		4.400		x					
508	Bộ máy tính để bàn SingPC	PTH Ngoại ngữ 2	1	11.000	11.000		4.400		x					
509	Bộ máy tính để bàn SingPC	PTH Ngoại ngữ 2	1	11.000	11.000		4.400		x					
510	Bộ máy tính để bàn SingPC	PTH Ngoại ngữ 2	1	11.000	11.000		4.400		x					
511	Bộ máy tính để bàn SingPC	PTH Ngoại ngữ 2	1	11.000	11.000		4.400		x					
512	Bộ máy tính để bàn SingPC	PTH Ngoại ngữ 2	1	11.000	11.000		4.400		x					
513	Bộ máy tính để bàn SingPC	PTH Ngoại ngữ 2	1	11.000	11.000		4.400		x					
514	Bộ thiết bị dạy học điện tử, mô phỏng môn Vật lý	PTH Lý	1	10.374	10.374		9.077		x					
515	Bộ máy tính để bàn SingPC	PTH Ngoại ngữ 2	1	11.000	11.000		4.400		x					
516	Bộ máy tính để bàn SingPC	PTH Ngoại ngữ 2	1	11.000	11.000		4.400		x					
517	Bộ máy tính để bàn SingPC	PTH Ngoại ngữ 2	1	11.000	11.000		4.400		x					
518	Bộ máy tính để bàn SingPC	PTH Ngoại ngữ 2	1	11.000	11.000		4.400		x					
519	Bộ máy tính để bàn SingPC	PTH Ngoại ngữ 2	1	11.000	11.000		4.400		x					
520	Bộ máy tính để bàn SingPC	PTH Ngoại ngữ 2	1	11.000	11.000		4.400		x					
521	Bộ máy tính để bàn SingPC	PTH Ngoại Ngữ	1	11.000	11.000		4.400		x					
522	Bộ máy tính để bàn SingPC	PTH Ngoại Ngữ	1	11.000	11.000		4.400		x					
523	Bộ máy tính để bàn SingPC	PTH Ngoại Ngữ	1	11.000	11.000		4.400		x					
524	Bộ máy tính để bàn SingPC	PTH Ngoại Ngữ	1	11.000	11.000		4.400		x					
525	Bộ máy tính để bàn SingPC	PTH Ngoại Ngữ	1	11.000	11.000		4.400		x					
526	Bộ máy tính để bàn SingPC	PTH Ngoại Ngữ	1	11.000	11.000		4.400		x					
527	Bộ máy tính để bàn SingPC	PTH Ngoại Ngữ	1	11.000	11.000		4.400		x					
528	Bộ máy tính để bàn SingPC	PTH Ngoại ngữ 2	1	11.000	11.000		4.400		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
529	Bộ máy tính để bàn SingPC	PTH Ngoại ngữ 2	1	11.000	11.000		4.400		x					
530	Bộ thiết bị dạy học điện tử, mô phỏng môn Vật lý	PTH Lý	1	10.374	10.374		9.077		x					
531	Bộ thiết bị đo kỹ thuật số tích hợp	PTH Lý	1	47.918	47.918		41.928		x					
532	Bộ thu phát không dây	Khu nhà ăn ktx	1	15.976	15.976		6.391		x					
533	Bộ thu phát không dây	Lớp học (Thiết Bị Huyền)	1	15.976	15.976		6.391		x					
534	Bộ thu phát không dây	Lớp học (Thiết Bị Huyền)	1	15.976	15.976		6.391		x					
535	Bộ thu phát không dây	Lớp học (Thiết Bị Huyền)	1	15.976	15.976		6.391		x					
536	Bộ thu phát không dây	PTH Sinh 2	1	15.976	15.976		6.391		x					
537	Bộ thu phát không dây	PTH Tin học 3	1	15.976	15.976		6.391		x					
538	Bộ thu phát không dây	Lớp học (Thiết Bị Huyền)	1	15.976	15.976		6.391		x					
539	Bộ thu phát không dây	LHB 310	1	15.976	15.976		6.391		x					
540	Bộ thu phát không dây	LHB 207	1	15.976	15.976		6.391		x					
541	Bộ thu phát không dây	PTH Ngoại ngữ 1	1	15.976	15.976		6.391		x					
542	Bộ thu phát không dây	LHB 308	1	15.976	15.976		6.391		x					
543	Bộ thu phát không dây	LHB 210	1	15.976	15.976		6.391		x					
544	Bộ thu phát không dây	LHA 104	1	15.976	15.976		6.391		x					
545	Bộ thu phát không dây	Lớp học (Thiết Bị Huyền)	1	15.976	15.976		6.391		x					
546	Bộ thu phát không dây	PTH Thi Tin học 1	1	15.976	15.976		6.391		x					
547	Bộ thu phát không dây	PTH Tin học 4	1	15.976	15.976		6.391		x					
548	Bộ thu phát không dây	LHA 102	1	15.976	15.976		6.391		x					
549	Bộ thu phát không dây	Lớp học (Thiết Bị Huyền)	1	15.976	15.976		6.391		x					
550	Bộ thu phát không dây	LHC 217	1	15.976	15.976		6.391		x					
551	Bộ thu phát không dây	LHC 214	1	15.976	15.976		6.391		x					
									x					
									x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
552	Bộ thu phát không dây	PTH Lý 2	1	15.976	15.976		6.391		x					
553	Bộ thu phát không dây	LHA 101	1	15.976	15.976		6.391		x					
554	Bộ thu phát không dây	Phòng điều hành	1	15.976	15.976		6.391		x					
555	Bộ thu phát không dây	P. Hợp tầng 2	1	15.976	15.976		6.391		x					
556	Bộ thu phát không dây	PTH Thi Tin học 2	1	15.976	15.976		6.391		x					
557	Bộ thu phát không dây	Lớp học (Thiết Bị Huyện)	1	15.976	15.976		6.391		x					
558	Bộ thu phát không dây	LHA 301	1	15.976	15.976		6.391		x					
559	Bộ thu phát không dây	LHA 103	1	15.976	15.976		6.391		x					
560	Bộ thu phát không dây	LHC 215	1	15.976	15.976		6.391		x					
561	Bộ thiết bị đo kỹ thuật số tích hợp	PTH Lý	1	47.918	47.918		41.928		x					
562	Bộ thiết bị đo kỹ thuật số tích hợp	PTH Lý	1	47.918	47.918		41.928		x					
563	Bộ thiết bị đo oxygen trong quá trình quang hợp	PTH Sinh	1	16.478	16.478		14.418		x					
564	Bộ thiết bị đo oxygen trong quá trình quang hợp	PTH Sinh	1	16.478	16.478		14.418		x					
565	Bộ thiết bị đo oxygen trong quá trình quang hợp	PTH Sinh	1	16.478	16.478		14.418		x					
566	Bộ thiết bị đo oxygen trong quá trình quang hợp	PTH Sinh	1	16.478	16.478		14.418		x					
567	Bộ thiết bị đo oxygen trong quá trình quang hợp	PTH Sinh	1	16.478	16.478		14.418		x					
568	Bộ thiết bị đo oxygen trong quá trình quang hợp	PTH Sinh	1	16.478	16.478		14.418		x					
569	Bộ thiết bị đo oxygen trong quá trình quang hợp	PTH Sinh	1	16.478	16.478		14.418		x					
570	Bộ thu nhận số liệu	PTH Lý	1	15.314	15.314		13.400		x					
571	Bộ thu nhận số liệu	PTH Lý	1	15.314	15.314		13.400		x					
572	Bộ thu phát không dây	Lớp học (Thiết Bị Huyện)	1	15.976	15.976		6.391		x					
573	Bộ thiết bị đo kỹ thuật số tích hợp	PTH Lý	1	47.918	47.918		41.928		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
574	Bộ thu phát không dây	LHA 304	1	15.976	15.976		6.391		x					
575	Bộ thu phát không dây	LHC 116	1	15.976	15.976		6.391		x					
576	Bộ thu phát không dây	LHA 203	1	15.976	15.976		6.391		x					
577	Bộ thu phát không dây	LHC 315	1	15.976	15.976		6.391		x					
578	Bộ thu phát không dây	LHB 307	1	15.976	15.976		6.391		x					
579	Bộ thu phát không dây	LHB 309	1	15.976	15.976		6.391		x					
580	Bộ thu phát không dây	Phòng Nhạc	1	15.976	15.976		6.391		x					
581	Bộ thu phát không dây	Lớp học (Thiết Bị Huyền)	1	15.976	15.976		6.391		x					
582	Bộ thu phát không dây	Thư viện (mới)	1	15.976	15.976		6.391		x					
583	Bộ thu phát không dây	LHA 204	1	15.976	15.976		6.391		x					
584	Bộ thu phát không dây	LHB 208	1	15.976	15.976		6.391		x					
585	Bộ thu phát không dây	PTH Hóa 2	1	15.976	15.976		6.391		x					
586	Bộ thu phát không dây	PTH Tin học 1	1	15.976	15.976		6.391		x					
587	Bộ thu phát không dây	PTH Lý	1	15.976	15.976		6.391		x					
588	Bộ thu phát không dây	PTH Ngoại ngữ 2	1	15.976	15.976		6.391		x					
589	Bộ máy tính để bàn SingPC	PTH Ngoại ngữ 2	1	11.000	11.000		4.400		x					
590	Bộ máy tính để bàn SingPC	PTH Ngoại ngữ 2	1	11.000	11.000		4.400		x					
591	Bàn ghế gụ khám trai	Phòng đề+Kho	1	16.000	16.000				x					
592	Bàn ghế gụ khám trai	P. Hiệu Phó Dung	1	16.000	16.000				x					
593	Bàn góc	Khu nhà ăn ktx	1	11.053	11.053		8.716		x					
594	Bàn họp lớn	P. Họp tầng 2	1	94.834	94.834		59.271		x					
595	Bàn inox	Khu nhà ăn ktx	1	13.062	13.062		10.301		x					
596	Bàn quây thư viện	Thư viện (mới)	1	19.895	19.895		12.434		x					
597	Bàn ra đồ có giá phẳng dưới	Khu nhà ăn ktx	1	18.438	18.438		14.540		x					
598	Bàn ra đồ có giá phẳng dưới	Khu nhà ăn ktx	1	18.438	18.438		14.540		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
599	Bàn ra đồ có giá phẳng dưới	Khu nhà ăn ktx	1	18.438	18.438		14.540		x					
600	Bàn rửa	Khu nhà ăn ktx	1	18.087	18.087		14.263		x					
601	Bàn soạn đồ có giá phẳng dưới	Khu nhà ăn ktx	1	14.067	14.067		11.093		x					
602	Bàn soạn đồ có giá phẳng dưới	Khu nhà ăn ktx	1	14.067	14.067		11.093		x					
603	Bàn soạn đồ có giá phẳng dưới	Khu nhà ăn ktx	1	14.067	14.067		11.093		x					
604	Bàn soạn đồ có giá phẳng dưới	Khu nhà ăn ktx	1	14.067	14.067		11.093		x					
605	Bàn thí nghiệm giáo viên vật lý	PTH Lý 2	1	23.000	23.000		14.375		x					
606	Bàn thí nghiệm giáo viên vật lý	PTH Lý	1	23.000	23.000		14.375		x					
607	Bàn thí nghiệm hóa giáo viên	PTH Hóa 2	1	32.305	32.305		20.190		x					
608	Bàn thí nghiệm hóa giáo viên	PTH Hóa	1	32.305	32.305		20.190		x					
609	Bàn thí nghiệm hóa học sinh	PTH Hóa 2	1	44.412	44.412		27.758		x					
610	Bàn thí nghiệm hóa học sinh	PTH Hóa	1	44.412	44.412		27.758		x					
611	Bàn thí nghiệm hóa học sinh	PTH Hóa	1	44.412	44.412		27.758		x					
612	Bàn thí nghiệm hóa học sinh	PTH Hóa 2	1	44.412	44.412		27.758		x					
613	Bàn thí nghiệm hóa học sinh	PTH Hóa 2	1	44.412	44.412		27.758		x					
614	Bàn thí nghiệm hóa học sinh	PTH Hóa	1	44.412	44.412		27.758		x					
615	Bàn thí nghiệm hóa học sinh	PTH Hóa	1	44.412	44.412		27.758		x					
616	bàn ghế gụ khám trai	P. Hiệu trưởng	2	25.600	25.600				x					
617	Bàn ghế gụ khám trai	P. Hiệu phó Kiên	1	16.000	16.000				x					
618	Bàn ghế gụ khám trai	P. Hiệu Phó Thủy	1	16.000	16.000				x					
619	Bàn chuẩn bị thí nghiệm vật lý	PTH Lý 2	1	22.859	22.859		14.287		x					
620	Áp kế kim loại	PTH Lý	1	143.687	143.687		89.805		x					
621	Áp kế kim loại	PTH Lý	1	143.687	143.687		89.805		x					
622	Bàn chặt có giá nan dưới, lót gỗ	Khu nhà ăn ktx	1	16.077	16.077		12.678		x					
623	Bàn chặt có giá phẳng dưới	Khu nhà ăn ktx	1	17.082	17.082		10.676		x					
624	Bàn chậu đôi hồ chậu 500	Khu nhà ăn ktx	1	15.072	15.072		11.885		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
625	Bàn chậu đôi hồ chậu 700	Khu nhà ăn ktx	1	16.680	16.680		13.153		x					
626	Bàn chậu rửa cuối phòng	PTH Hóa 2	1	64.509	64.509		40.318		x					
627	Bàn chậu rửa cuối phòng	PTH Sinh	1	64.509	64.509		40.318		x					
628	Bàn chậu rửa cuối phòng	PTH Hóa	1	64.509	64.509		40.318		x					
629	Bàn chậu rửa cuối phòng	PTH Sinh 2	1	64.509	64.509		40.318		x					
630	Bàn chậu rửa trước khi ra vào và trong kho	PTH Sinh 2	1	13.163	13.163		8.227		x					
631	Bàn chậu rửa trước khi ra vào và trong kho	PTH Hóa	1	13.163	13.163		8.227		x					
632	Bàn thí nghiệm hóa học sinh	PTH Hóa 2	1	44.412	44.412		27.758		x					
633	Bàn chậu rửa trước khi ra vào và trong kho	PTH Sinh	1	13.163	13.163		8.227		x					
634	Bàn chậu rửa trước khi ra vào và trong kho	PTH Hóa 2	1	13.163	13.163		8.227		x					
635	Bàn chậu rửa trước khi ra vào và trong kho	PTH Sinh	1	13.163	13.163		8.227		x					
636	Bàn chậu rửa trước khi ra vào và trong kho	PTH Lý	1	13.163	13.163		8.227		x					
637	Bàn chậu rửa trước khi ra vào và trong kho	PTH Sinh	1	13.163	13.163		8.227		x					
638	Bàn chậu rửa trước khi ra vào và trong kho	PTH Hóa 2	1	13.163	13.163		8.227		x					
639	Bàn chậu rửa trước khi ra vào và trong kho	PTH Hóa	1	13.163	13.163		8.227		x					
640	Bàn chậu to rửa khay chậu, hồ chậu 800	Khu nhà ăn ktx	1	14.570	14.570		11.489		x					
641	Bàn chuẩn bị thí nghiệm hóa sinh	PTH Sinh 2	1	32.305	32.305		20.190		x					
642	Bàn chuẩn bị thí nghiệm hóa sinh	PTH Hóa	1	32.305	32.305		20.190		x					
643	Bàn chuẩn bị thí nghiệm hóa sinh	PTH Hóa 2	1	32.305	32.305		20.190		x					
644	Bàn chuẩn bị thí nghiệm hóa sinh	PTH Sinh	1	32.305	32.305		20.190		x					
645	Bàn chuẩn bị thí nghiệm vật lý	PTH Lý	1	22.859	22.859		14.287		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
646	Bàn chậu rửa trước khi ra vào và trong kho	PTH Lý 2	1	13.163	13.163		8.227		x					
647	Bộ máy tính để bàn SingPC	PTH Ngoại ngữ 2	1	11.000	11.000		4.400		x					
648	Bàn thí nghiệm hóa học sinh	PTH Hóa	1	44.412	44.412		27.758		x					
649	Bàn thí nghiệm hóa học sinh	PTH Hóa 2	1	44.412	44.412		27.758		x					
650	Bếp từ hầm đơn công nghiệp	Khu nhà ăn ktx	1	53.550	53.550		33.469		x					
651	Bếp xào từ đơn chảo rời	Khu nhà ăn ktx	1	89.428	89.428		35.771		x					
652	Bếp xào từ đơn chảo rời	Khu nhà ăn ktx	1	89.428	89.428		35.771		x					
653	Biển Đảng cộng sản Việt Nam	Nhà đa năng	1	71.623	71.623		34.021		x					
654	Biển thể nguồn	PTH Lý	1	18.087	18.087		11.304		x					
655	Biển thể nguồn	PTH Lý	1	18.087	18.087		11.304		x					
656	Biển thể nguồn	PTH Lý	1	18.087	18.087		11.304		x					
657	Biển thể nguồn	PTH Lý	1	18.087	18.087		11.304		x					
658	Biển thể nguồn	PTH Lý	1	18.087	18.087		11.304		x					
659	Biển thể nguồn	PTH Lý	1	18.087	18.087		11.304		x					
660	Biển thể nguồn	PTH Lý	1	18.087	18.087		11.304		x					
661	Biển thể nguồn	PTH Lý	1	18.087	18.087		11.304		x					
662	Biển thể nguồn	PTH Lý	1	18.087	18.087		11.304		x					
663	Biển thể nguồn	PTH Lý	1	18.087	18.087		11.304		x					
664	Biển thể nguồn	PTH Lý	1	18.087	18.087		11.304		x					
665	Biển thể nguồn	PTH Lý	1	18.087	18.087		11.304		x					
666	Biển thể nguồn	PTH Lý	1	18.087	18.087		11.304		x					
667	Biển thể nguồn	PTH Lý	1	18.087	18.087		11.304		x					
668	Biển thể nguồn	PTH Lý	1	18.087	18.087		11.304		x					
669	Biển thể nguồn	PTH Lý	1	18.087	18.087		11.304		x					
670	Biển thể nguồn	PTH Lý	1	18.087	18.087		11.304		x					

STT	Đanh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
671	Biển thể nguồn	PTH Lý	1	18.087	18.087		11.304		x					
672	Bộ dụng cụ đo các đại lượng không điện	PTH Hóa	1	51.376	51.376		44.954		x					
673	Bộ máy tính để bàn SingPC	PTH Ngoại ngữ 2	1	11.000	11.000		4.400		x					
674	Bộ máy tính để bàn SingPC	PTH Ngoại ngữ 2	1	11.000	11.000		4.400		x					
675	Bàn trộn	Nhà đa năng	1	10.980	10.980		5.215		x					
676	Bàn trộn	P. Họa tầng 2	1	10.983	10.983		4.393		x					
677	Bàn trộn	Nhà đa năng	1	143.436	143.436		57.374		x					
678	Bàn thí nghiệm sinh học sinh	PTH Sinh 2	1	44.563	44.563		27.852		x					
679	Bàn thí nghiệm hóa học sinh	PTH Hóa	1	44.412	44.412		27.758		x					
680	Bàn thí nghiệm học sinh Vật lý	PTH Lý	1	32.505	32.505		20.316		x					
681	Bàn thí nghiệm học sinh Vật lý	PTH Lý	1	32.505	32.505		20.316		x					
682	Bàn thí nghiệm học sinh Vật lý	PTH Lý	1	32.505	32.505		20.316		x					
683	Bàn thí nghiệm học sinh Vật lý	PTH Lý 2	1	32.505	32.505		20.316		x					
684	Bàn thí nghiệm học sinh Vật lý	PTH Lý 2	1	32.505	32.505		20.316		x					
685	Bàn thí nghiệm học sinh Vật lý	PTH Lý	1	32.505	32.505		20.316		x					
686	Bàn thí nghiệm học sinh Vật lý	PTH Lý 2	1	32.505	32.505		20.316		x					
687	Bàn thí nghiệm học sinh Vật lý	PTH Lý 2	1	32.505	32.505		20.316		x					
688	Bàn thí nghiệm học sinh Vật lý	PTH Lý	1	32.505	32.505		20.316		x					
689	Bàn thí nghiệm học sinh Vật lý	PTH Lý	1	32.505	32.505		20.316		x					
690	Bàn thí nghiệm học sinh Vật lý	PTH Lý	1	32.505	32.505		20.316		x					
691	Bàn thí nghiệm hóa học sinh	PTH Hóa 2	1	44.412	44.412		27.758		x					
692	Bàn thí nghiệm học sinh Vật lý	PTH Lý 2	1	32.505	32.505		20.316		x					
693	Bàn thí nghiệm sinh giáo viên	PTH Sinh	1	32.305	32.305		20.190		x					
694	Bàn thí nghiệm sinh học sinh	PTH Sinh	1	44.563	44.563		27.852		x					
695	Bàn thí nghiệm sinh học sinh	PTH Sinh 2	1	44.563	44.563		27.852		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
696	Bản thí nghiệm sinh học sinh	PTH Sinh	1	44.563	44.563		27.852		x					
697	Bản thí nghiệm sinh học sinh	PTH Sinh 2	1	44.563	44.563		27.852		x					
698	Bản thí nghiệm sinh học sinh	PTH Sinh 2	1	44.563	44.563		27.852		x					
699	Bản thí nghiệm sinh học sinh	PTH Sinh	1	44.563	44.563		27.852		x					
700	Bản thí nghiệm sinh học sinh	PTH Sinh 2	1	44.563	44.563		27.852		x					
701	Bản thí nghiệm sinh học sinh	PTH Sinh 2	1	44.563	44.563		27.852		x					
702	Bản thí nghiệm sinh học sinh	PTH Sinh	1	44.563	44.563		27.852		x					
703	Bản thí nghiệm sinh học sinh	PTH Sinh	1	44.563	44.563		27.852		x					
704	Bản thí nghiệm sinh học sinh	PTH Sinh	1	44.563	44.563		27.852		x					
705	Bản thí nghiệm sinh giáo viên	PTH Sinh 2	1	32.305	32.305		20.190		x					
706	Xe bồn thu gom đồ bẩn	Khu nhà ăn ktx	1	10.430	10.430		8.225		x					
707	Bộ thu phát không dây	LHC 316	1	15.976	15.976		6.391		x					
708	Bộ thu phát không dây	LHC 216	1	15.976	15.976		6.391		x					
709	Kênh sóng nước	PTH Lý	1	12.560	12.560		7.850		x					
710	Kênh sóng nước	PTH Lý	1	12.560	12.560		7.850		x					
711	Kênh sóng nước	PTH Lý	1	12.560	12.560		7.850		x					
712	Kênh sóng nước	PTH Lý	1	12.560	12.560		7.850		x					
713	Kênh sóng nước	PTH Lý	1	12.560	12.560		7.850		x					
714	Két sắt	Phòng Tài Vụ	1	15.500	15.500		2.480		x					
715	Khẩu hiệu " Đảng cộng sản ..." Lắp tại Hội trường	P. hợp tầng 4	1	26.125	26.125		16.328		x					
716	Khay giữ nóng thức ăn	Khu nhà ăn ktx	1	17.780	17.780		11.113		x					
717	Khay giữ nóng thức ăn	Khu nhà ăn ktx	1	17.780	17.780		11.113		x					
718	Kính hiển vi kỹ thuật số 3 mắt, màn hình LCD chất lượng cao	PTH Sinh	1	150.319	150.319		93.949		x					
719	Kính hiển vi quang học Kruss	PTH Sinh	1	29.300	29.300		10.818		x					
720	Kính hiển vi quang học Kruss	PTH Sinh	1	29.300	29.300		8.058		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
721	Kính hiển vi quang học Kruss	PTH Sinh	1	29.300	29.300		10.818		x					
722	Kính hiển vi soi nổi	PTH Sinh	1	23.211	23.211		14.507		x					
723	Kính hiển vi soi nổi	PTH Sinh	1	23.211	23.211		14.507		x					
724	Kính hiển vi soi nổi	PTH Sinh	1	23.211	23.211		14.507		x					
725	Kính hiển vi soi nổi	PTH Sinh	1	23.211	23.211		14.507		x					
726	Kính hiển vi soi nổi	PTH Sinh	1	23.211	23.211		14.507		x					
727	Kính hiển vi, 2 mắt, phóng đại 1000 lần	PTH Sinh	1	25.422	25.422		15.889		x					
728	Kính hiển vi, 2 mắt, phóng đại 1000 lần	PTH Sinh	1	25.422	25.422		15.889		x					
729	Kính hiển vi, 2 mắt, phóng đại 1000 lần	PTH Sinh	1	25.422	25.422		15.889		x					
730	Kính hiển vi, 2 mắt, phóng đại 1000 lần	PTH Sinh	1	25.422	25.422		15.889		x					
731	Kính hiển vi, 2 mắt, phóng đại 1000 lần	PTH Sinh	1	25.422	25.422		15.889		x					
732	Kính hiển vi, 2 mắt, phóng đại 1000 lần	PTH Sinh	1	25.422	25.422		15.889		x					
733	Kính hiển vi, 2 mắt, phóng đại 1000 lần	PTH Sinh	1	25.422	25.422		15.889		x					
734	Kênh sóng nước	PTH Lý	1	12.560	12.560		7.850		x					
735	Hệ thống điện thí nghiệm	PTH Lý	1	20.096	20.096		8.038		x					
736	Hệ thống điện thí nghiệm	PTH Lý 2	1	20.096	20.096		8.038		x					
737	Hệ thống cấp, thoát nước thí nghiệm	PTH Hóa	1	20.096	20.096		12.560		x					
738	Giá sách	KTX 226	1	12.058	12.058		6.782		x					
739	Giá sách	KTX 212	1	12.058	12.058		6.782		x					
740	Giá sách	KTX 204	1	12.058	12.058		6.782		x					
741	Giá sách	KTX 213	1	12.058	12.058		6.782		x					
742	Giá sách	KTX 225	1	12.058	12.058		6.782		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức năng có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
743	Giá sách	KTX 242	1	12.058	12.058		6.782		x					
744	Giá sách	KTX 322	1	12.058	12.058		6.782		x					
745	Giá sách	KTX 215	1	12.058	12.058		6.782		x					
746	Giá sách	KTX 210	1	12.058	12.058		6.782		x					
747	Giá sách	KTX 202	1	12.058	12.058		6.782		x					
748	Giá sách	KTX 224	1	12.058	12.058		6.782		x					
749	Giá sách	KTX 230	1	12.058	12.058		6.782		x					
750	Kính hiển vi, 2 mắt, phóng đại 1000 lần	PTH Sinh	1	25.422	25.422		15.889		x					
751	Giá sách	KTX 238	1	12.058	12.058		6.782		x					
752	Giá sách	KTX 235	1	12.058	12.058		6.782		x					
753	Giá sách	KTX 217	1	12.058	12.058		6.782		x					
754	Giá sách	KTX 312	1	12.058	12.058		6.782		x					
755	Giá sách	KTX 309	1	12.058	12.058		6.782		x					
756	Giá sách	KTX 317	1	12.058	12.058		6.782		x					
757	Giá sách đôi	Phòng LAB nghiên cứu KH	1	10.000	10.000		4.000		x					
758	Giá sách đôi	Phòng LAB nghiên cứu KH	1	10.000	10.000		4.000		x					
759	Hệ thống camera giám sát khu hiệu bộ	Phòng điều hành	1	85.050	85.050				x					
760	Hệ thống camera lớp học	Phòng điều hành	1	99.360	99.360				x					
761	Hệ thống cấp, thoát nước thí nghiệm	PTH Sinh	1	20.096	20.096		12.560		x					
762	Hệ thống cấp, thoát nước thí nghiệm	PTH Hóa 2	1	20.096	20.096		12.560		x					
763	Hệ thống cấp, thoát nước thí nghiệm	PTH Sinh 2	1	20.096	20.096		12.560		x					
764	Giá sách	KTX 216	1	12.058	12.058		6.782		x					
765	Giá sách	KTX 316	1	12.058	12.058		6.782		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
766	Kính hiển vi, 2 mắt, phóng đại 1000 lần	PTH Sinh	1	25.422	25.422		15.889		x					
767	Kính hiển vi, 2 mắt, phóng đại 1000 lần	PTH Sinh	1	25.422	25.422		15.889		x					
768	Màn hình tương tác 65 inch	P Tập huấn Tin	1	135.649	135.649		54.260		x					
769	Màn hình tương tác 65 inch	LHC 214	1	135.649	135.649		54.260		x					
770	Màn hình tương tác 65 inch	P Tập huấn Sử	1	135.649	135.649		54.260		x					
771	Màn hình tương tác 65 inch	LHB 209	1	135.649	135.649		54.260		x					
772	Màn hình tương tác 65 inch	P Tập huấn Văn	1	135.649	135.649		54.260		x					
773	Màn hình tương tác 65 inch	PTH Thi Tin học 2	1	135.649	135.649		54.260		x					
774	Màn hình tương tác 65 inch	PTH Tin học 2	1	135.649	135.649		54.260		x					
775	Màn hình tương tác 65 inch	Phòng thờ	1	135.649	135.649		54.260		x					
776	Màn hình tương tác 65 inch	PTH Tin học 3	1	135.649	135.649		54.260		x					
777	Màn hình tương tác 65 inch	LHA 202	1	135.649	135.649		54.260		x					
778	Màn hình tương tác 65 inch	P. Hợp tầng 2	1	135.649	135.649		54.260		x					
779	Màn hình tương tác 65 inch	LHC 215	1	135.649	135.649		54.260		x					
780	Màn hình tương tác 65 inch	LHB 110	1	135.649	135.649		54.260		x					
781	Màn hình tương tác 65 inch	PTH Thi Tin học 1	1	135.649	135.649		54.260		x					
782	Màn hình tương tác 65 inch	LHB 210	1	135.649	135.649		54.260		x					
783	Màn hình tương tác 65 inch	P Tập huấn Pháp	1	135.649	135.649		54.260		x					
784	Màn hình tương tác 65 inch	P Tập huấn Lý	1	135.649	135.649		54.260		x					
785	Màn hình tương tác 65 inch	PTH Ngoại ngữ 1	1	135.649	135.649		54.260		x					
786	Màn hình tương tác 65 inch	LHC 115	1	135.649	135.649		54.260		x					
787	Màn hình tương tác 65 inch	LHC 316	1	135.649	135.649		54.260		x					
788	Màn hình tương tác 65 inch	Phòng thờ	1	135.649	135.649		54.260		x					
789	Màn hình tương tác 65 inch	LHC 213	1	135.649	135.649		54.260		x					
799	Màn hình tương tác 65 inch	LFB 207	1	135.649	135.649		54.260		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
791	Màn hình tương tác 65 inch	LHA 103	1	135.649	135.649		54.260		x					
792	Màn hình tương tác 65 inch	P Tập huấn Toán	1	135.649	135.649		54.260		x					
793	Màn hình tương tác 65 inch	PTH Lý 2	1	135.649	135.649		54.260		x					
794	Màn hình tương tác 65 inch	LHC 116	1	135.649	135.649		54.260		x					
795	Màn hình tương tác 65 inch	PTH Tin học 4	1	135.649	135.649		54.260		x					
796	Màn hình tương tác 65 inch	LHA 102	1	135.649	135.649		54.260		x					
797	Kính hiển vi, 2 mắt, phóng đại 1000 lần	PTH Sinh	1	25.422	25.422		15.889		x					
798	Loa công suất lớn 12"	Nhà đa năng	1	42.202	42.202		16.881		x					
799	Loa công suất lớn 12"	Nhà đa năng	1	42.202	42.202		16.881		x					
800	Loa công suất lớn 12"	Nhà đa năng	1	42.202	42.202		16.881		x					
801	Loa công suất lớn 12"	Nhà đa năng	1	42.202	42.202		16.881		x					
802	Loa công suất lớn 15"	Nhà đa năng	1	48.231	48.231		19.292		x					
803	Loa công suất lớn 15"	Nhà đa năng	1	48.231	48.231		19.292		x					
804	Loa công suất lớn 15"	Nhà đa năng	1	48.231	48.231		19.292		x					
805	Loa công suất lớn 15"	Nhà đa năng	1	48.231	48.231		19.292		x					
806	Loa công suất lớn 18"	Nhà đa năng	1	54.089	54.089		21.635		x					
807	Loa công suất lớn 18"	Nhà đa năng	1	54.089	54.089		21.635		x					
808	Loa công suất lớn 18"	Nhà đa năng	1	54.089	54.089		21.635		x					
809	Kính hiển vi, 2 mắt, phóng đại 1000 lần	PTH Sinh	1	25.422	25.422		15.889		x					
810	Loa công suất lớn 18"	Nhà đa năng	1	54.089	54.089		21.635		x					
811	Màn hình tương tác 65 inch	LHA 101	1	135.649	135.649		54.260		x					
812	Màn hình tương tác 65 inch	P Tập huấn Anh	1	135.649	135.649		54.260		x					
813	Màn hình tương tác 65 inch	LHB 310	1	135.649	135.649		54.260		x					
814	Màn hình tương tác 65 inch	LHC 217	1	135.649	135.649		54.260		x					
815	Màn hình tương tác 65 inch	LHB 108	1	135.649	135.649		54.260		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
816	Màn hình tương tác 65 inch	LHC 114	1	135.649	135.649		54.260		x					
817	Màn hình tương tác 65 inch	PTH Tin học 1	1	135.649	135.649		54.260		x					
818	Màn hình tương tác 65 inch	LHA 203	1	135.649	135.649		54.260		x					
819	Màn hình tương tác 65 inch	LHC 313	1	135.649	135.649		54.260		x					
820	Màn hình tương tác 65 inch	Phòng thờ	1	135.649	135.649		54.260		x					
821	Màn hình tương tác 65 inch	P Tập huấn Sinh	1	135.649	135.649		54.260		x					
822	Màn hình tương tác 65 inch	P Tập huấn Địa	1	135.649	135.649		54.260		x					
823	Màn hình tương tác 65 inch	PTH Ngoại Ngữ	1	135.649	135.649		54.260		x					
824	Bộ thu phát không dây	LHA 202	1	15.976	15.976		6.391		x					
825	Giá sách	KTX 325	1	12.058	12.058		6.782		x					
826	Giá sách	KTX 306	1	12.058	12.058		6.782		x					
827	Đàn Organ	Phòng Nhạc	1	18.087	18.087		7.235		x					
828	Đàn Organ	Phòng Nhạc	1	18.087	18.087		7.235		x					
829	Đàn Organ	Phòng Nhạc	1	18.087	18.087		7.235		x					
830	Đàn Organ	Phòng Nhạc	1	18.087	18.087		7.235		x					
831	Đàn Organ	Phòng Nhạc	1	18.087	18.087		7.235		x					
832	Đàn Organ	Phòng Nhạc	1	18.087	18.087		7.235		x					
833	Đàn Organ	Phòng Nhạc	1	18.087	18.087		7.235		x					
834	Đàn Organ	Phòng Nhạc	1	18.087	18.087		7.235		x					
835	Đàn Organ	Phòng Nhạc	1	18.087	18.087		7.235		x					
836	Đàn Organ	Phòng Nhạc	1	18.087	18.087		7.235		x					
837	Đàn Organ	Phòng Nhạc	1	18.087	18.087		7.235		x					
838	Đàn Organ	Phòng Nhạc	1	18.087	18.087		7.235		x					
839	Đàn Organ	Phòng Nhạc	1	18.087	18.087		7.235		x					
840	Đàn Organ	Phòng Nhạc	1	18.087	18.087		7.235		x					
841	Đàn Organ	Phòng Nhạc	1	18.087	18.087		7.235		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
842	Đàn Organ	Phòng Nhạc	1	18.087	18.087		7.235		x					
843	Đàn Organ	Phòng Nhạc	1	18.087	18.087		7.235		x					
844	Đàn Organ	Phòng Nhạc	1	18.087	18.087		7.235		x					
845	Đàn Organ	Phòng Nhạc	1	18.087	18.087		7.235		x					
846	Dây cáp 20m	P. Hợp tầng 2	1	12.446	12.446		4.978		x					
847	Giá để thiết bị trong kho	PTH Lý	1	21.047	21.047		13.154		x					
848	Giá để thiết bị trong kho	PTH Sinh	1	21.047	21.047		13.154		x					
849	Giá để thiết bị trong kho	PTH Hóa	1	21.047	21.047		13.154		x					
850	Giá để thiết bị trong kho	PTH Lý	1	21.047	21.047		13.154		x					
851	Giá để thiết bị trong kho	PTH Sinh	1	21.047	21.047		13.154		x					
852	Cột cờ trong sân ghi, thức	Bảo vệ	1	43.769	43.769		30.013		x					
853	Chậu rửa đơn	Khu nhà ăn ktx	1	13.070	13.070		10.306		x					
854	Cây Sang	Khuông viên trường	1	33.500	33.500		32.160		x					
855	Cân kỹ thuật hiện số	PTH Lý	1	23.613	23.613		14.758		x					
856	Bộ thu phát không dây	LHB 209	1	15.976	15.976		6.391		x					
857	Bộ thu phát không dây	LHC 115	1	15.976	15.976		6.391		x					
858	Bộ thu phát không dây	LHA 201	1	15.976	15.976		6.391		x					
859	Bộ thu phát không dây	LHC 314	1	15.976	15.976		6.391		x					
860	Bộ thu phát không dây	LHC 313	1	15.976	15.976		6.391		x					
861	Bộ thu phát không dây	LHB 108	1	15.976	15.976		6.391		x					
862	Bộ thu phát không dây	LHB109	1	15.976	15.976		6.391		x					
863	Bộ thu phát không dây	PTH Sinh	1	15.976	15.976		6.391		x					
864	Bộ thu phát không dây	PTH Hóa	1	15.976	15.976		6.391		x					
865	Bộ thu phát không dây	LHC 113	1	15.976	15.976		6.391		x					
866	Bộ thu phát không dây	LHA 303	1	15.976	15.976		6.391		x					
867	Bộ thu phát không dây	LHA 206	1	15.976	15.976		6.391		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
868	Giá để thiết bị trong kho	PTH Lý 2	1	21.047	21.047		13.154		x					
869	Bộ thu phát không dây	LHB 107	1	15.976	15.976		6.391		x					
870	Bộ thu phát không dây	PTH Tin học 2	1	15.976	15.976		6.391		x					
871	Bộ thu phát không dây	Phòng Hợp Tầng 1	1	15.976	15.976		6.391		x					
872	Bộ thu phát không dây	PTH Ngoại Ngữ	1	15.976	15.976		6.391		x					
873	Bộ thu phát không dây	LHC 114	1	15.976	15.976		6.391		x					
874	Bộ thu phát không dây	LHC 213	1	15.976	15.976		6.391		x					
875	Bộ thu phát không dây	LHA 302	1	15.976	15.976		6.391		x					
876	Bộ thu phát không dây	LHA 205	1	15.976	15.976		6.391		x					
877	Bục sân khấu	P. hợp tầng 4	1	89.873	89.873		56.171		x					
878	Camera chuông điện ký túc xá	Bảo vệ	1	29.735	29.735		23.788		x					
879	Cân kỹ thuật hiện số	PTH Sinh	1	23.613	23.613		14.758		x					
880	Cân kỹ thuật hiện số	PTH Sinh	1	23.613	23.613		14.758		x					
881	Cân kỹ thuật hiện số	PTH Sinh	1	23.613	23.613		14.758		x					
882	Bộ thu phát không dây	LHB 110	1	15.976	15.976		6.391		x					
883	Giá sách	KTX 214	1	12.058	12.058		6.782		x					
884	Giá để thiết bị trong kho	PTH Hóa 2	1	21.047	21.047		13.154		x					
885	Giá để thiết bị trong kho	PTH Hóa	1	21.047	21.047		13.154		x					
886	Giá sách	KTX 239	1	12.058	12.058		6.782		x					
887	Giá sách	KTX 328	1	12.058	12.058		6.782		x					
888	Giá sách	KTX 305	1	12.058	12.058		6.782		x					
889	Giá sách	KTX 310	1	12.058	12.058		6.782		x					
890	Giá sách	KTX 326	1	12.058	12.058		6.782		x					
891	Giá sách	KTX 234	1	12.058	12.058		6.782		x					
892	Giá sách	KTX 222	1	12.058	12.058		6.782		x					
893	Giá sách	KTX 209	1	12.058	12.058		6.782		x					

STT	Đanh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
894	Giá sách	KTX 319	1	12.058	12.058		6.782		x					
895	Giá sách	KTX 243	1	12.058	12.058		6.782		x					
896	Giá sách	KTX 304	1	12.058	12.058		6.782		x					
897	Giá sách	KTX 311	1	12.058	12.058		6.782		x					
898	Giá sách	KTX 218	1	12.058	12.058		6.782		x					
899	Giá sách	KTX 318	1	12.058	12.058		6.782		x					
900	Giá sách	KTX 228	1	12.058	12.058		6.782		x					
901	Giá sách	KTX 302	1	12.058	12.058		6.782		x					
902	Giá sách	KTX 206	1	12.058	12.058		6.782		x					
903	Giá sách	KTX 208	1	12.058	12.058		6.782		x					
904	Giá sách	KTX 220	1	12.058	12.058		6.782		x					
905	Giá sách	KTX 241	1	12.058	12.058		6.782		x					
906	Giá sách	KTX 324	1	12.058	12.058		6.782		x					
907	Giá sách	KTX 314	1	12.058	12.058		6.782		x					
908	Giá sách	KTX 240	1	12.058	12.058		6.782		x					
909	Giá sách	KTX 207	1	12.058	12.058		6.782		x					
910	Giá sách	KTX 321	1	12.058	12.058		6.782		x					
911	Giá sách	KTX 308	1	12.058	12.058		6.782		x					
912	Giá sách	KTX 221	1	12.058	12.058		6.782		x					
913	Giá sách	KTX 315	1	12.058	12.058		6.782		x					
914	Giá sách	KTX 236	1	12.058	12.058		6.782		x					
915	Giá nan 4 tầng	Khu nhà ăn ktx	1	13.967	13.967		8.729		x					
916	Giá nan 4 tầng	Khu nhà ăn ktx	1	13.967	13.967		8.729		x					
917	Giá nan 4 tầng	Khu nhà ăn ktx	1	13.967	13.967		8.729		x					
918	Giá nan 4 tầng	Khu nhà ăn ktx	1	13.967	13.967		8.729		x					
919	Giá phẳng 4 tầng	Khu nhà ăn ktx	1	13.967	13.967		8.729		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
920	Giá phẳng 4 tầng	Khu nhà ăn ktx	1	13.967	13.967		8.729		x					
921	Giá sách	KTX 232	1	12.058	12.058		6.782		x					
922	Giá sách	KTX 205	1	12.058	12.058		6.782		x					
923	Giá sách	KTX 211	1	12.058	12.058		6.782		x					
924	Giá sách	KTX 227	1	12.058	12.058		6.782		x					
925	Giá sách	KTX 231	1	12.058	12.058		6.782		x					
926	Giá sách	KTX 329	1	12.058	12.058		6.782		x					
927	Giá để thiết bị trong kho	PTH Sinh 2	1	21.047	21.047		13.154		x					
928	Giá sách	KTX 307	1	12.058	12.058		6.782		x					
929	Giá sách	KTX 219	1	12.058	12.058		6.782		x					
930	Giá sách	KTX 313	1	12.058	12.058		6.782		x					
931	Giá sách	KTX 327	1	12.058	12.058		6.782		x					
932	Giá sách	KTX 303	1	12.058	12.058		6.782		x					
933	Giá sách	KTX 237	1	12.058	12.058		6.782		x					
934	Giá sách	KTX 203	1	12.058	12.058		6.782		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liền doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
935	Giá sách	KTX 201	1	12.058	12.058		6.782		x					
936	Giá sách	KTX 223	1	12.058	12.058		6.782		x					
937	Giá sách	KTX 233	1	12.058	12.058		6.782		x					
938	Giá sách	KTX 301	1	12.058	12.058		6.782		x					
939	Giá sách	KTX 320	1	12.058	12.058		6.782		x					
940	Giá sách	KTX 323	1	12.058	12.058		6.782		x					
941	Giá sách	KTX 229	1	12.058	12.058		6.782		x					
942	Xe bồn thu gom đồ bẩn	Khu nhà ăn ktx	1	10.430	10.430		8.225		x					
	Tổng cộng		943	25.770.617	25.725.708	44.909	11.915.026							

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Trịnh Thị Hoa

Ngày 10 tháng 01 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên và đóng dấu)
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
CHUYÊN
LƯƠNG VĂN TỰ
Hoàng Hải Nam